

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐÀO THỊ MAI PHƯƠNG

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ
ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM
(cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)**

Chuyên ngành : Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Phạm Mạnh Hùng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM	8		
1.1. Khái niệm chung quyền con người	8		
1.2. Khái niệm quyền con người và bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự	10		
1.2.1. Khái niệm quyền con người trong tổ tụng hình sự	10		
1.2.2. Bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự	12		
1.3. Khái niệm và đặc điểm người bị tạm giữ, tạm giam trong tổ tụng hình sự	13		
1.3.1. Khái niệm và đặc điểm người bị tạm giữ	13		
1.3.2. Khái niệm và đặc điểm người bị tạm giam	19		
1.4. Quy định về vấn đề bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong pháp luật tổ tụng hình sự một số nước	24		
1.4.1. Quy định về vấn đề bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong pháp luật tổ tụng hình sự Liên bang Nga	24		
1.4.2. Quy định về vấn đề bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong pháp luật tổ tụng hình sự Trung Quốc	29		
1.5. Các quy định về bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước khi có Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003	33		
1.5.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến trước khi có Bộ luật tổ tụng hình sự năm 1988	33		
1.5.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật tổ tụng hình sự Việt Nam năm 1988 cho đến trước khi có Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003	36		
Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	42		
2.1. Các quy định của bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam	42	2.1.1. Quy định bảo đảm quyền không bị bắt giam tùy tiện	42
		2.1.2. Quy định bảo đảm quyền không phân biệt đối xử và đối xử bình đẳng	46
		2.1.3. Quy định bảo đảm quyền không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục	50
		2.1.4. Quy định bảo đảm quyền không bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án	51
		2.1.5. Quy định bảo đảm quyền bào chữa	53
		2.2. Thực tiễn việc bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam trên địa bàn thành phố Hà Nội	62
		2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam trên địa bàn thành phố Hà Nội và nguyên nhân	64
		2.2.2. Những bất cập, hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người trong tổ tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam trên địa bàn thành phố Hà Nội và nguyên nhân	71
		Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM	89
		3.1. Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam	89
		3.1.1. Hoàn thiện một số nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng hình sự	89
		3.1.2. Hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị tạm giữ (Điều 48 Bộ luật tố tụng hình sự), bị can (Điều 49 Bộ luật tố tụng hình sự), bị cáo (Điều 50 Bộ luật tố tụng hình sự)	95
		3.1.3. Hoàn thiện các quy định về người bào chữa	97
		3.1.4. Hoàn thiện các quy định về biện pháp ngăn chặn	99
		3.2. Công tác hướng dẫn áp dụng Bộ luật tổ tụng hình sự	109
		3.3. Nâng cao chất lượng kiểm sát công tác tạm giữ, tạm giam	110
		3.4. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho nhà tạm giữ, trại tạm giam, các phương tiện thông tin, liên lạc phục vụ cho công tác tạm giữ, tạm giam	111
		3.5. Nâng cao nhận thức, trình độ, trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm	111
		3.6. Tăng cường hợp tác quốc tế về công tác tạm giữ, tạm giam	112
		KẾT LUẬN	113
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	115

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Con người là vốn quý của tự nhiên và của xã hội. Bảo vệ quyền con người (QCN) là mục tiêu của các thiết chế Nhà nước dân chủ và tiến bộ. Ngày nay, đất nước ta đang trên đà phát triển về mọi mặt. Song song, với việc phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước cũng chăm lo xây dựng một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, xây dựng một hệ thống pháp luật bảo đảm cho việc phát triển các quyền tự do dân chủ của công dân là những quan điểm cơ bản được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Nhà nước ta.

Hoạt động tố tụng hình sự (TTHS) liên quan chặt chẽ đến QCN. Hoạt động TTHS là nơi các biện pháp cưỡng chế Nhà nước được áp dụng phổ biến nhất; và vì vậy là nơi QCN của các chủ thể tố tụng, đặc biệt, quyền của người bị tạm giữ, tạm giam dễ bị lạm dụng, vi phạm. Việc tạm giữ, tạm giam người thường được áp dụng trong đấu tranh chống tội phạm. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử trong những năm qua cho thấy rằng cũng có nhiều trường hợp vi phạm QCN đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong quá trình tiến hành tố tụng. Những vi phạm đó xảy ra do nhiều nguyên nhân, trong đó có bất cập, hạn chế của pháp luật, cơ chế, nhận thức, thái độ của người tiến hành tố tụng, các quy định về chế độ trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng đối với công dân... Có thể nói, vấn đề bảo đảm QCN đang là yêu cầu cấp thiết trên cả phương diện lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn. Do đó, để góp phần bảo đảm hơn nữa về QCN nói chung và bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam nói riêng, tác giả chọn đề tài: "**Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam (cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)**" làm đề tài luận văn. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá toàn diện các quy định về bảo đảm QCN đối với người bị tạm giữ, tạm giam và thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội, tác giả đưa ra một số phương hướng để hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, tạm giam và một số giải pháp để thực thi một cách hiệu quả bảo đảm quyền này trong thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong khoa học pháp lý nước ta cũng như quốc tế, vấn đề bảo đảm QCN nói chung, QCN trong hoạt động tư pháp cũng như QCN trong TTHS đã được nhiều độc giả nghiên cứu từ các góc độ và với các mức độ khác nhau.

+ Từ góc độ nghiên cứu về bảo đảm QCN nói chung trong Nhà nước pháp quyền có các công trình của các tác giả sau: Trần Ngọc Đường, "*Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*", Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2004; Đinh Văn Mậu, "*Quyền lực Nhà nước và quyền con người*", Nhà xuất bản Tư pháp, 2003; Tường Duy Kiên, "*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với việc bảo đảm quyền con người*", Nhà xuất bản Nghề luật, 2004;... Trong các công trình này, các tác giả đã nghiên cứu khái niệm và các đặc điểm Nhà nước pháp quyền nói chung, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng; nghiên cứu về mối quan hệ giữa QCN và quyền công dân; nghiên cứu vấn đề bảo đảm QCN từ góc độ triết học, xã hội học hoặc lý luận chung về Nhà nước và pháp luật. Tuy có cách nhìn không hoàn toàn giống nhau và nghiên cứu ở các mức độ khác nhau nhưng các tác giả đều đưa ra các cơ chế bảo đảm QCN trong Nhà nước pháp quyền.

+ Từ góc độ pháp luật chuyên ngành, cũng đã có nhiều công trình về bảo vệ QCN trong lĩnh vực tư pháp hoặc tư pháp hình sự được công bố cụ thể: "*Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam hiện nay*", của Nguyễn Huy Hoàng, Luận án tiến sĩ Luật học, Hà Nội, 2005; "*Những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam*" do GS.TSKH Lê Văn Cẩm, PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí, PGS.TS Trịnh Quốc Toàn đồng chủ biên, Đề tài khoa học cấp Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2006; "*Luật tố tụng hình sự Việt Nam với việc bảo vệ quyền con người*" - đề tài nghiên cứu khoa học, chủ trì TS. Nguyễn Ngọc Chí - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011; "*Bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*", của Nguyễn Quang Hiền, Luận án tiến sĩ Luật học, Hà Nội, 2008; "*Bảo vệ quyền con người trong luật hình sự, luật tố tụng hình sự Việt Nam*", sách chuyên khảo của TS Trần Quang Tiệp, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2004;... Trong các công trình này, các

tác giả nghiên cứu việc bảo vệ QCN trong hoạt động tư pháp nói chung, kể cả hình sự, dân sự. Một số công trình nghiên cứu vấn đề từ góc độ tư pháp hình sự, bao gồm cả luật hình sự và luật TTHS. Số công trình khác thì nghiên cứu từ góc độ TTHS. Phạm vi nghiên cứu chủ yếu xuất phát từ phân tích quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng mà chưa đi sâu nghiên cứu các chế định liên quan khác nhau như các nguyên tắc TTHS, các thủ tục TTHS, các biện pháp cưỡng chế tố tụng liên quan đến QCN của người bị tạm giữ, tạm giam...

+ Trên thế giới cũng có một số tác giả nghiên cứu về QCN và việc bắt giữ, tạm giam trước xét xử. Có thể kể đến các công trình sau: *Human rights: Judicial system* (Bảo đảm quyền con người trong hệ thống tư pháp của Saudi Arabia), 2000; "*The guarantee for accused persons under Article 6 of the European Convention on Human Rights*" (Bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội của Stephanos Stavros), Nhà xuất bản Martinus Ni, 1992...

Như vậy, đã có một số công trình nghiên cứu cơ bản về bảo đảm QCN. Tuy nhiên, chưa có một công trình nghiên cứu khoa học nào mang tính toàn diện, hệ thống và đồng bộ về vấn đề bảo đảm QCN, nhất là của người bị tạm giữ, tạm giam.

Do vậy, việc nghiên cứu đề tài "***Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam (cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)***" là cần thiết về cả lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) luận văn nhằm làm sáng tỏ những vướng mắc hạn chế, đưa ra được những giải pháp nâng cao hiệu quả việc bảo đảm QCN của người bị tạm giữ, tạm giam trong TTHS Việt Nam. Thông qua đó, góp phần hoàn thiện các quy định của BLTTHS.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

+ Làm rõ những vấn đề lý luận về QCN và bảo đảm QCN của người bị tạm giữ, tạm giam.

+ Phân tích các quy định của BLTTHS và các văn bản khác liên quan đến bảo đảm QCN của người bị tạm giữ, tạm giam; tìm ra những hạn chế và bất cập về bảo đảm QCN của người bị tạm giữ, tạm giam.

+ Nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật một số nước về bảo đảm QCN trong TTHS.

+ Nghiên cứu làm rõ tình hình thực tế việc bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Đánh giá thực tiễn việc bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả việc bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu và giải quyết những vấn đề bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam kết hợp với việc nghiên cứu đánh giá tình hình áp dụng các quy định về bảo đảm QCN đối với người bị tạm giữ, tạm giam. Từ đó tìm ra những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để kiến nghị những giải pháp hoàn thiện luật thực định và nâng cao hiệu quả việc bảo đảm QCN của người bị tạm giữ tạm, tạm giam.

Luận văn cũng nghiên cứu vấn đề bảo đảm QCN nói chung và quyền của người bị tạm giữ, tạm giam nói riêng trong pháp luật TTHS của một số nước.

Về không gian và thời gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định về bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam trên địa bàn thành phố Hà Nội trong 5 năm (2010- 2014).

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách Hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng khóa VIII, khóa IX, khóa X và các Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 26/5/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học luật TTHS như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp diễn dịch; phương pháp quy nạp; phương pháp thống kê, điều tra xã hội học để tổng hợp các tri thức khoa học về luật TTHS và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

6. Kết quả và ý nghĩa nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn, vì đây là công trình nghiên cứu đầu tiên và có hệ thống ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học về bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam, trong đó giải quyết nhiều vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn liên quan tới bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam. Những kết quả cụ thể là:

+ Tổng hợp các quan điểm khoa học về QCN nói chung, QCN và bảo đảm QCN trong TTHS Việt Nam nói riêng và có cái nhìn tổng quan về người bị tạm giữ, tạm giam. Đồng thời nghiên cứu pháp luật của một số nước trên thế giới về bảo đảm QCN đối với người bị tạm giữ, tạm giam.

+ Nghiên cứu chỉ ra quy định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm QCN đối với người bị tạm giữ, tạm giam từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước khi BLTTHS 2003 ra đời.

+ Nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam. Đánh giá làm sáng tỏ bức tranh về tình hình áp dụng các quy định về bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam của các cơ quan tiến hành tố tụng; những tồn tại, hạn chế của thực tiễn áp dụng pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo trong học tập và nghiên cứu về TTHS.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam.

Chương 2: Các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam và thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM

1.1. Khái niệm chung quyền con người

Quyền con người là những quyền vốn có tự nhiên mà chỉ con người mới được hưởng trong những điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhất định và được pháp luật đảm bảo. QCN vừa mang tính tự nhiên vừa mang tính xã hội; mang tính phổ biến nhưng lại mang tính đặc thù; mang tính giai cấp, đồng thời mang tính nhân loại.

1.2 Khái niệm quyền con người và bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự

1.2.1. Khái niệm quyền con người trong tố tụng hình sự

Quyền con người trong TTHS là tổng hợp các quyền thuộc nhóm quyền dân sự, chính trị nhằm mục đích khẳng định việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tôn trọng danh dự nhân phẩm của con người trong mọi hoàn cảnh cũng như bảo đảm việc xét xử công bằng bởi một tòa án độc lập khách quan đối với những người yếu thế (người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án và những người tham gia tố tụng khác) khỏi sự tùy tiện và sự lạm quyền của các cơ quan và nhân viên nhà nước trong các hoạt động TTHS.

1.2.2. Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự

Bảo đảm QCN trong TTTHS là sự vận hành của các yếu tố khách quan nhằm mục đích công bố, ghi nhận về mặt pháp lý các QCN trong TTTHS và bảo vệ và thực thi các quyền đó trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

1.3. Khái niệm và đặc điểm người bị tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự

1.3.1. Khái niệm và đặc điểm người bị tạm giữ

** Khái niệm người bị tạm giữ*

Người bị tạm giữ là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền tố tụng; có quyền và nghĩa vụ nhất định theo quy định của pháp luật.

** Đặc điểm về người bị tạm giữ*

Thứ nhất, là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp.

Trường hợp khẩn cấp thứ nhất: Khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Trường hợp khẩn cấp thứ hai: khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó bỏ trốn.

Trường hợp khẩn cấp thứ ba: Khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

Thứ hai, là người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang.

Điều 82 BLTTHS 2003 quy định những trường hợp phạm tội quả tang bao gồm:

Trường hợp thứ nhất: Người đang thực hiện tội phạm thì bị phát hiện. Trường hợp thứ hai: Người ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện.

Trường hợp thứ ba: Người ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị đuổi bắt.

Thứ ba, là người bị bắt theo quyết định bị truy nã.

Theo quy định tại quy chế về công tác truy nã của Bộ Công an thì những người thuộc diện cơ quan Công an phải ra lệnh truy nã gồm: Bị can

(người đã bị khởi tố về hình sự) bỏ trốn hoặc không biết đang ở đâu; Bị cáo (người đã bị tòa án quyết định đưa ra xét xử) bỏ trốn hoặc không biết đang ở đâu; Phạm nhân (người đang thi hành án phạt tù trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ) trốn trại.

Thứ tư, là người phạm tội tự thú, đầu thú.

Người phạm tội tự thú, đầu thú không phải là người phạm tội bị bắt mà họ tự nguyện ra trình diện, khai báo hành vi phạm tội. Do đó, người phạm tội tự thú, đầu thú có thể bị tạm giữ nhưng cũng có thể không cần thiết phải tạm giữ.

Thứ năm, là đối với họ phải có quyết định tạm giữ.

1.3.2. Khái niệm và đặc điểm người bị tạm giam

** Khái niệm người bị tạm giam*

Người bị tạm giam là bị can, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm khác mà luật hình sự quy định hình phạt trên hai năm tù và có căn cứ để cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục phạm tội bị các cơ quan tiến hành TTTHS có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam theo trình tự, thủ tục của luật TTTHS; có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

** Đặc điểm của người bị tạm giam*

Thứ nhất, là bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng.

Thứ hai, bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng hoặc tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù trên 2 năm và có căn cứ để cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

Thứ ba, đối với họ phải có quyết định áp dụng biện pháp tạm giam của cơ quan có thẩm quyền theo trình tự quy định của BLTTHS 2003.

1.4. Các quy định về vấn đề bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước

Trong mục này, tác giả luận văn trình bày sơ lược quy định về vấn đề bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước, bao gồm:

1.4.1. Các quy định về vấn đề bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong pháp luật tố tụng hình sự Liên bang Nga

1.4.2. Các quy định về vấn đề bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong pháp luật tố tụng hình sự Trung Quốc

1.5. Các quy định về bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước khi có BLTTHS năm 2003.

1.5.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến trước khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988

Từ khi Cách mạng tháng Tám thành công cho đến khi BLTTHS 1988 được ban hành, dù trong hoàn cảnh kinh tế, xã hội nào việc bảo đảm QCN trong TTHS cũng được Nhà nước ta thể hiện nhất quán trong các bản Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác với phạm vi ngày càng rộng hơn, nội dung ngày càng cụ thể hơn, hoàn chỉnh hơn. Đó là cơ sở quan trọng cho việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật của Nhà nước ta về bảo đảm QCN liên quan đến hoạt động TTHS trong BLTTHS 1988 và các văn bản pháp luật sau này.

1.5.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 1988 cho đến trước khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

Bộ luật tố tụng hình sự đầu tiên của Nhà nước ta được Quốc hội thông qua ngày 28/6/1988. BLTTHS 1988 đã có một bước phát triển lớn liên quan đến việc tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của công dân. Các chế định khác nhau của BLTTHS 1988 đều thể hiện rõ nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm QCN trong TTHS. Tuy nhiên, qua hơn 15 năm thực hiện và trước yêu cầu của việc đổi mới tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta hiện nay, nhiều quy định của BLTTHS 1988 đã tỏ ra bất cập: BLTTHS chưa quy định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của những người tiến hành tố tụng; địa vị tố tụng của những người tham gia tố tụng vẫn chưa thật đầy đủ, nhất là quyền tố tụng của công dân; khiếu nại, tố cáo trong TTHS chưa được quy định một cách đầy đủ, rõ ràng; các thủ tục tố tụng chưa thể hiện đầy đủ cơ chế tố tụng và bảo đảm quyền tự do dân chủ của công dân, quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật v.v...

Chương 2

CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ TẠM GIAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam

2.1.1. Quy định bảo đảm quyền không bị bắt giam, giữ tùy tiện

Tạm giữ, tạm giam là những biện pháp ngăn chặn động chạm trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 ghi rõ:

"1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định" (Điều 20, Khoản 1, Khoản 2).

2.1.2. Quy định bảo đảm quyền không phân biệt đối xử và đối xử bình đẳng

Không phân biệt đối xử và đối xử bình đẳng được hiểu là sự thể hiện ở vị trí như nhau của mọi công dân trong mọi lĩnh vực của hoạt động nhà nước và xã hội mà không có sự ưu tiên, ưu đãi, phân biệt đối xử với bất cứ đối tượng nào. Người nào phạm tội đều bị xử lý theo một trình tự, thủ tục tố tụng như nhau theo quy định của BLTTHS; người thực hiện hành vi phạm tội thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo các điều khoản tương ứng của BLHS, không phân biệt dân tộc, nam nữ, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.

2.1.3. Quy định bảo đảm quyền không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục

Pháp luật Việt Nam quy định quyền này tại các Điều 71, 72 Hiến pháp năm 1992, Điều 19, 20 Hiến pháp năm 2013; Điều 6, 7 BLTTHS 2003 và các chương XII, XXII BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2009.

2.1.4. Quy định bảo đảm quyền không bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án

BLTTHS 2003 quy định: "Không ai có thể bị coi là có tội nếu chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì người bị buộc tội vẫn được coi là người chưa có tội. Do chưa được coi là người có tội nên các cơ quan tiến hành tố tụng không được đối xử với bị can, bị cáo như người có tội, kể cả trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất như biện pháp tạm giam.

Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không bị coi là có tội, tức là họ có đầy đủ các quyền công dân, do vậy các cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo đảm cho họ thực hiện đầy đủ quyền bào chữa và các quyền năng khác theo quy định của BLTTHS.

Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không buộc phải chứng minh mình vô tội, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng.

Mọi nghi ngờ về lỗi của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nếu không được loại trừ theo trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS quy định, thì phải được giải thích có lợi cho họ. Nội dung này thể hiện sự nhân đạo của BLTTHS đối với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

2.1.5. Quy định bảo đảm quyền bào chữa

Theo Điều 11 BLTTHS 2003 thì người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. CQĐT, VKSND, TAND có nhiệm vụ bảo đảm cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa của họ theo quy định của BLTTHS.

Người bào chữa của bị can, bị cáo có thể là luật sư, người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, bào chữa viên nhân dân. Người bào chữa có thể bào chữa cho nhiều người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong cùng một vụ án, nếu quyền và lợi ích của họ không đối lập nhau. Nhiều người bào chữa có thể bào chữa cho một người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (Điều 56 BLTTHS).

Bảo đảm thực hiện quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, BLTTHS 2003 đã có những quy định về quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, quyền và nghĩa vụ của người bào chữa đảm bảo chắc chắn cho việc thực thi pháp luật trên thực tế

2.2.1. Những kết quả đạt được trong việc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam trên địa bàn thành phố Hà Nội và nguyên nhân

2.2.1.1. Kết quả đạt được

* Đối với việc tạm giữ

Kết quả đạt được đối với việc tạm giữ thông qua bảng sau:

Bảng 3.1. Thống kê tình hình bắt giữ và phân loại từ năm 2010- 2014

Năm		2010	2011	2012	2013	2014
Các hình thức bắt	Khẩn cấp	2279	2427	2365	2289	2410
	Quả tang	6866	8361	7729	6829	6363
	Truy nã	336	379	362	409	361
	Đầu thú	1021	1133	1226	1285	1192
	Tự thú	20	29	32	16	38
Tổng số người bị tạm giữ		10522	12329	11714	10808	10360
Số đã giải quyết		10337	12145	11643	10726	10240
Tỷ lệ giải quyết		98,2%	98,5%	99,4%	99,2%	98,8%

Nguồn: Phòng Thống kê- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Bảng 3.2: Thống kê tình hình giải quyết người bị tạm giữ từ năm 2010- 2014

TT	Năm		2010	2011	2012	2013	2014
		Kiểm sát việc tạm giữ					
1	Tổng số người bị tạm giữ		10522	12329	11714	10808	10360
2	Số đã giải quyết. Trong đó:		10337	12145	11643	10726	10240
2.1	Khởi tố chuyển tạm giam		7023	8153	7934	7290	7389
2.2	Khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn khác		2388	2972	3622	3185	2461
2.3	Số truy nã chuyển tạm giam		229	240	340	395	306
3	Cơ quan bắt trả tự do:		106	130	184	264	244
3.1	Chuyên xử lý hành chính		23	24	46	66	64
3.2	Không chuyên xử lý hành chính		11	15	22	26	10
3.3	Trả tự do chờ xử lý sau		72	91	116	172	170
	Tỷ lệ chuyển xử lý hành chính		0,2%	0,2%	0,4%	0,6%	0,6%
	Tỷ lệ không chuyển xử lý hành chính		0,1%	0,1%	0,2%	0,24%	0,1%
	Tỷ lệ xử lý hình sự		98,9%	98,9%	98,4%	97,5%	97,6%

Nguồn: Phòng Thống kê - VKSND thành phố Hà Nội.

* Đối với việc tạm giam

Bảng 3.3: Thống kê tình hình giải quyết người bị tạm giam từ năm 2010- 2014

TT	Năm	2010	2011	2012	2013	2014
1	Tổng số tạm giam	16194	19571	12395	11391	13235
2	Đã giải quyết	11738	13935	8122	6603	7160
Tỷ lệ giải quyết		72,5%	71,2%	65,5%	58%	54,1%
3	Đã xét xử, án có HLPL Chuyển trại giam	8695	11516	6057	5157	6166
4	Thay đổi biện pháp ngăn chặn	946	1027	816	640	569
5	Trả tự do khi bị can có quyết định đình chỉ	5	0	2	0	0
6	Trả tự do vì không tội	0	0	0	0	0
7	Xử phạt tù, cho hưởng án treo	534	356	202	157	245
8	Thời hạn tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn bị cáo bị tạm giam	146	134	187	139	151
9	Quá hạn tạm giam	49	84	192	270	613

Nguồn: Phòng Thống kê- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

* Về chế độ, chính sách đối với người bị tạm giữ, tạm giam.

- Chế độ ăn ở, sinh hoạt và các chế độ khác cho người bị tạm giữ, tạm giam nhìn chung đều được đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Các trường hợp thân nhân đến thăm gặp người bị tạm giữ, tạm giam đều được tạo điều kiện, không bị cản trở vô lý, được vào sổ theo dõi chặt chẽ.

- Về chế độ khám chữa bệnh đối với người bị tạm giữ, tạm giam. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người bị tạm giữ, tạm giam luôn đảm bảo, khi ốm đau được khám, phát thuốc điều trị tại buồng giam và bệnh xá của trại hoặc cán bộ y tế của nhà tạm giữ. Các trường hợp bị bệnh nặng, vượt quá khả năng của y tế trại thì chuyển lên bệnh viện tuyến trên khám và điều trị.

- Về các chế độ khác đối với người bị tạm giữ, tạm giam. Nhà tạm giữ, trại tạm giam trên địa bàn Hà Nội đều được trang bị hệ thống loa đài truyền thanh để tuyên truyền giáo dục cho người bị tạm giữ, tạm giam nghe về các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Ngoài ra trại còn bố trí ở một số buồng giam chung 01 tivi cho bị can, phạm nhân xem để có thêm nhận thức, thấy được chính sách khoan hồng của Đảng, nhà nước đối với người phạm tội và tình hình xã hội nói chung...

2.2.1.2. Nguyên nhân kết quả đạt được

Các cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền trên địa bàn thành phố Hà Nội đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật TTHS về người tạm giữ, tạm giam, đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết về cải cách tư pháp và nhất là Nghị quyết 37 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về tội phạm trong công tác tạm giữ, tạm giam hình sự.

2.2.2. Những bất cập, hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam trên địa bàn thành phố Hà Nội và nguyên nhân

2.2.2.1. Những bất cập, hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự đối với người bị tạm giữ, tạm giam trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thứ nhất, hạn chế việc bảo đảm quyền không bị bắt giam tùy tiện

* Đối với việc tạm giữ

- Trong quá trình tiến hành tố tụng, cơ quan có thẩm quyền vẫn lạm dụng việc tạm giữ người.

- Các trường hợp vi phạm về thủ tục tạm giữ khá phổ biến, đặc biệt là ở CQĐT cấp quận, huyện.

- Vi phạm về thời hạn tạm giữ

Bảng 3.4. Số quá hạn tạm giữ từ năm 2010 đến năm 2014

Năm	2010	2011	2012	2013	2014
Số quá hạn tạm giữ	5	0	5	6	0

Nguồn: Phòng Thống kê- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

- Tình trạng cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ hình sự sau phải trả tự do cho người bị tạm giữ vẫn xảy ra khá phổ biến.

- Tình trạng người bị tạm giữ được trả tự do vì không đủ căn cứ khởi tố hình sự và không bị xử lý hành chính.

- Tình trạng người bị tạm giữ được trả tự do, chuyển xử lý hành chính.

* Đối với việc tạm giam

- Vẫn còn không ít các trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam không có hoặc không đủ căn cứ theo quy định của BLTTHS 2003, xâm phạm đến quyền tự do của công dân.

- Việc quá hạn tạm giam vẫn còn chưa được khắc phục.

Thứ hai, hạn chế việc bảo đảm quyền không phân biệt đối xử và đối xử bình đẳng

- Tồn tại phổ biến là trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam phải ở một diện tích quá chật hẹp, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe của người bị tạm giữ, tạm giam. Hầu hết, các nhà tạm giữ, trại tạm giam đều trong tình trạng quá tải, nhất là trong những đợt cao điểm phòng, chống trấn áp tội phạm, số người bị tạm giữ, tạm giam là rất lớn.

- Nhà tạm giữ chưa có hệ thống loa truyền thanh để tổ chức cho người bị tạm giam, tạm giữ

Thứ ba, hạn chế trong việc bảo đảm quyền được bào chữa.

- Trên thực tế quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa của người bị tạm giữ, tạm giam gần như không được thực hiện.

- Trong giai đoạn điều tra, người bào chữa tiếp cận tài liệu hồ sơ vụ án và gặp người bị tạm giữ, bị can là rất khó khăn.

- Bộ luật cũng quy định các cơ quan THTT có nghĩa vụ giải thích cho người bị tạm giữ, tạm giam biết quyền và nghĩa vụ của họ. Tuy nhiên, trên thực tế các cơ quan THTT vẫn vi phạm quyền này của người bị tạm giữ, tạm giam.

- Hạn chế quyền khiếu nại về tạm giữ, tạm giam, quyết định hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền THTT của người bị tạm giữ, tạm giam.

Thứ tư, hạn chế quyền được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục

- Thực tế khi tiến hành lấy lời khai của người bị tạm giữ, tạm giam thì tình trạng người bị tạm giữ, tạm giam bị bức cung, mớm cung, nhục hình vẫn còn tồn tại.

- Còn tình trạng, tạm giữ, tạm giam chung giữa người còn đồ hung hãn với người phạm tội lần đầu; giam chung người bị tạm giữ với người bị tạm giam và người chưa thành niên với người đã thành niên...

- Tình trạng người bị tạm giữ, tạm giam chết hoặc tự tử còn xảy ra ở một số nhà tạm giữ, trại tạm giam.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, TẠM GIAM

3.1. Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bảo đảm quyền con người đối với người bị tạm giữ, tạm giam

3.1.1. Hoàn thiện một số nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Đề cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 cần sửa đổi, bổ sung Điều 11 BLTTHS 2003 như sau:

Điều 11. Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội

1. Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa của họ theo quy định của Bộ luật này".

Thứ hai, bổ sung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử.

Đề phù hợp Hiến pháp năm 2013 tại Điều 31 và Điều 103 cần bổ sung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử với nội dung: 1- Tranh tụng trong xét xử phải được bảo đảm. Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện theo pháp luật của họ, người bảo vệ quyền lợi của đương sự có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và tranh luận trước Tòa án. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện theo quy định của Bộ luật này để việc tranh tụng được thực hiện. 2- Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng và những chứng cứ đã được kiểm.

Thứ ba, nguyên tắc "không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật"

Đề phù hợp với Hiến pháp 2013 Điều 31 và tăng cường hơn nữa việc bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, tạm giam cần sửa đổi Điều 9 BLTTHS

nước ta theo hướng đổi tên và hoàn thiện nội dung nguyên tắc suy đoán vô tội như sau:

Điều 9. Nguyên tắc suy đoán vô tội:

1. Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Người bị buộc tội có quyền nhưng không phải chứng minh sự vô tội của mình. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3. Mọi hoài nghi về tội của người bị buộc tội nếu không thể làm sáng tỏ theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì phải xử lý theo hướng có lợi cho họ.

3.1.2. Hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị tạm giữ (Điều 48 Bộ luật tố tụng hình sự), bị can (Điều 49 Bộ luật tố tụng hình sự), bị cáo (điều 50 BLTTHS)

- Bổ sung các quyền được tôn trọng và bảo vệ quyền tự do thân thể, tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự theo quy định của pháp luật;

- Bổ sung quyền từ chối khai báo, quyền trình bày lời khai của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS.

- Bổ sung quyền được yêu cầu cơ quan, người THTT bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm;

- Bổ sung trách nhiệm của cơ quan THTT, người THTT bảo đảm cho người tham gia tố tụng thực hiện các quyền tố tụng của họ theo quy định của pháp luật; trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người tham gia tố tụng khi có yêu cầu.

3.1.3. Hoàn thiện các quy định về người bào chữa

Thứ nhất, hoàn thiện Điều 56 BLTTHS.

- Để bảo đảm tốt quyền bào chữa của người bị buộc tội, cần bổ sung diện người bào chữa là Trợ giúp viên pháp lý để bào chữa miễn phí cho các đối tượng thuộc diện chính sách. Điều này, phù hợp với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006.

- Nên bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận người bào chữa.

Thứ hai, hoàn thiện Điều 58 theo hướng bảo đảm tối đa cho người bào chữa thu thập chứng cứ, có mặt trong các hoạt động điều tra. Cụ thể là: 1- Bổ sung trách nhiệm CQĐT thông báo trước cho người bào chữa thời gian, địa điểm hỏi cung bị can. 2- Quy định quyền của người bào chữa hỏi người bị tạm giữ, bị can mà không cần sự đồng ý của Điều tra viên; 3- Bổ sung quyền của người bào chữa có mặt và đặt câu hỏi trong khi lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng của Điều tra viên.

- Bổ sung quy định về quyền của người bào chữa được gặp gỡ và trao đổi với thân chủ đang bị tạm giữ, tạm giam.

Thứ ba, cần quy định nghĩa vụ của cơ quan THTT trong việc tiếp nhận chứng cứ do người bào chữa cung cấp và trách nhiệm của cơ quan THTT phải hỗ trợ người bào chữa trong việc liên hệ với các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tạo điều kiện thuận lợi để thu thập chứng cứ. Đồng thời quy định người bào chữa có quyền được nhận thông báo về việc trưng cầu giám định và kết quả giám định.

3.1.4. Hoàn thiện các quy định về biện pháp ngăn chặn

** Biện pháp tạm giữ*

- Về thẩm quyền ra quyết định tạm giữ: Nên mở rộng thẩm quyền được ra lệnh tạm giữ người cho Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển này để bảo đảm hoạt động điều tra của họ.

- Về thời hạn tạm giữ đối với người bị tạm giữ: Cần quy định thời điểm tạm giữ được tính từ khi người bị tạm giữ bị bắt hoặc đầu thú, tự thú và có quyết định tạm giữ đối với họ.

- Về thẩm quyền gia hạn tạm giữ: khoản 2 Điều 87 BLTTHS cần nêu rõ: trường hợp cần thiết để ra quyết định tạm giữ là những trường hợp nào? Mức độ cụ thể ra sao? Phải quy định cụ thể từng trường hợp; không nên dùng văn bản dưới luật để quy định hoặc hướng dẫn vì dễ tạo ra sự tùy tiện và áp dụng không thống nhất trong việc gia hạn tạm giữ.

** Biện pháp tạm giam*

- Về đối tượng, căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam:

+ Đối tượng áp dụng biện pháp tạm giam: Tôi cho rằng quy định tại khoản 1 Điều 88 BLTTHS 2003 nên bổ sung về đối tượng có thể bị áp dụng

biện pháp tạm giam ngoài bị can, bị cáo còn có "người đã bị Tòa án kết án phạt tù" như vậy mới phù hợp với các điều luật khác và thể hiện đầy đủ những đối tượng có thể áp dụng biện pháp tạm giam.

+ Căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam: Cần sửa đổi khoản 1 Điều 88 BLTTHS về căn cứ áp dụng tạm giam theo hướng tạm giam chỉ có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo, nếu có căn cứ cụ thể khẳng định rằng họ có thể tiếp tục phạm tội, có thể bỏ trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hoặc tiếp tục phạm tội.

Ngoài ra, cũng cần sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 88 BLTTHS theo hướng căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn rõ ràng, minh bạch hơn để tránh lạm dụng trên thực tế.

- Về căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên

+ Cần nghiên cứu sửa đổi khoản 1 Điều 303 BLTTHS về căn cứ tạm giam đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội. Chỉ cần quy định hai căn cứ tạm giam bị cáo chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi: 1- có thể tiếp tục phạm tội hoặc 2- có thể trốn. Còn căn cứ về loại tội thì đã là việc đương nhiên theo quy định của pháp luật; căn cứ bị can, bị cáo có thể gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử thì không cần thiết phải đặt ra với lứa tuổi này.

+ Hoàn thiện các quy định của BLTTHS cũng như các văn bản pháp luật khác theo hướng quy định thời hạn tạm giam đối với người chưa thành niên giảm xuống so với người đã thành niên.

- Về thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam

+ Theo khoản 6 Điều 120 BLTTHS thì trong khi tạm giam, nếu xét thấy không cần thiết thì CQĐT phải kịp thời đề nghị VKS hủy bỏ việc tạm giam... Căn cứ "Xét thấy không cần thiết" để hủy bỏ biện pháp tạm giam là không xác định, hoàn toàn mang tính chủ quan của người áp dụng;

+ Bổ sung vào khoản 2 Điều 166, Điều 177 BLTTHS căn cứ áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Cần sửa đổi bổ sung các điều luật trên theo hướng: sau khi nhận hồ sơ vụ án, VKSND, TAND có quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn khi có căn cứ được quy định tại các điều 88, 91, 92, 93

BLTTHS, có trách nhiệm thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đó khi không còn căn cứ áp dụng.

Đồng thời, với những phân tích trên, cần hoàn thiện Điều 94 BLTTHS theo hướng: 1- Khi vụ án bị đình chỉ thì mọi biện pháp ngăn chặn đã áp dụng đều phải được hủy bỏ; 2- Khi thời gian áp dụng biện pháp ngăn chặn đã hết thì biện pháp đó phải được hủy bỏ; 3- Cơ quan điều tra, viện kiểm sát, Tòa án phải hủy bỏ biện pháp ngăn chặn hoặc thay thế bằng một biện pháp khác khi không còn căn cứ áp dụng.

3.2. Công tác hướng dẫn áp dụng Bộ luật tố tụng hình sự

- Hướng dẫn về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn không giam giữ như bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm nhằm giúp cho các cơ quan THTT tăng cường áp dụng các biện pháp này. Cần hướng dẫn áp dụng thống nhất Điều 93 BLTTHS về mức tiền phải đặt, thẩm quyền và thủ tục sung quỹ Nhà nước số tiền đặt để các cơ quan THTT không gặp vướng mắc khi áp dụng biện pháp ngăn chặn này...

- Các cơ quan THTT cần hướng dẫn cụ thể, thống nhất trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa, sự tham gia của người bào chữa vào quá trình tố tụng, tăng cường hơn nữa quyền tranh tụng dân chủ của người tham gia tố tụng, nhất là bị cáo để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

3.3. Nâng cao chất lượng kiểm sát công tác tạm giữ, tạm giam.

Viện kiểm sát cần phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam.

3.4. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho nhà tạm giữ, trại tạm giam, các phương tiện thông tin, liên lạc phục vụ cho công tác tạm giữ, tạm giam

Cần bổ sung các trang thiết bị kỹ thuật nhằm đảm bảo tốt nhất công tác kiểm tra, quản lý người bị tạm giữ, tạm giam tại các buồng giam giữ trong các nhà tạm giữ, trại tạm giam. Nhất là hệ thống camera để quan sát trong các buồng tạm giữ, tạm giam, kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề đột xuất xảy ra như: tự tử, đánh nhau, bỏ trốn, "thông cung". Đồng thời cần có kế hoạch và kịp thời triển khai thực hiện việc sửa chữa hoặc xây mới đối với các nhà tạm giữ, trại tạm giam xuống cấp, thường xuyên quá tải...

3.5. Nâng cao nhận thức, trình độ, trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm

Thứ nhất, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ nhất là kỹ năng tổ tụng cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm các Tòa án.

Thứ hai, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, chính sách pháp luật, nhất là chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội, quan điểm bảo đảm QCN trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cho cán bộ cơ quan THTT các cấp;

Thứ ba, cần phải có các quy định của pháp luật về trách nhiệm cá nhân của người ra quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam, trong trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về bắt người, bắt người tùy tiện, oan sai, giam giữ trái pháp luật.

3.6. Tăng cường hợp tác quốc tế về công tác tạm giữ, tạm giam

Chúng ta đã và cần tiếp tục tham gia vào các điều ước quốc tế về bảo đảm QCN, tiếp tục ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp song phương và đa phương với những nước có nhiều người Việt Nam sinh sống có nội dung bắt, tạm giữ phù hợp với BLTTHS năm 2003; ký kết gia nhập các công ước quốc tế về chống khủng bố, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, chống rửa tiền, chống tham nhũng.

Tăng cường hơn nữa việc trao đổi Tọa đàm, giao lưu giữa nền pháp luật của các nước trên thế giới để trao đổi kinh nghiệm lập pháp về bảo đảm QCN khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn, tiếp thu những quy định tiên bộ, hợp lý để có những nghiên cứu sửa đổi phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn tại Việt Nam hiện nay.

KẾT LUẬN

Bảo đảm QCN nói chung, QCN của người bị tạm giữ, tạm giam nói riêng trong TTHS là vấn đề rộng và chưa được nghiên cứu nhiều trong khoa học TTHS nước ta. Đây là một vấn đề khó những rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Việc nghiên cứu làm sáng tỏ nội dung các quy định về bảo

đảm quyền của người bị tạm giữ, tạm giam trong TTHS Việt Nam và quốc tế, phân tích thực trạng pháp luật, nghiên cứu thực tiễn các hoạt động tổ tụng, tìm ra những nguyên nhân, bắt cập là cơ sở khoa học, thực tiễn quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động bảo đảm QCN của người bị tạm giữ, tạm giam có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc tăng cường pháp chế, tôn trọng QCN của công dân khi tham gia vào hoạt động TTHS. Quy định QCN nói chung, quyền của người bị tạm giữ, tạm giam nói riêng đã là quan trọng và cần thiết song quan trọng hơn là việc bảo đảm cho các quyền đó được thực thi trong cuộc sống.

Thông qua luận văn, tôi đã cố gắng nghiên cứu và trình bày một cách tổng thể từ những vấn đề chung nhất đến những vấn đề riêng biệt trong việc bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, tạm. Với khả năng có hạn, luận văn đã đạt được một số kết quả khiêm tốn sau đây:

1- Luận văn đã góp phần làm rõ thêm một số vấn đề lí luận về QCN nói chung, QCN và bảo đảm QCN trong TTHS, làm rõ khái niệm, đặc điểm của người bị tạm giữ, tạm giam. Nghiên cứu quy định của một số nước trên thế giới về bảo đảm QCN trong TTHS đối với người bị tạm giữ, tạm giam; quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề bảo đảm QCN đối với người bị tạm giữ, tạm giam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi BLTTHS 2003 ra đời.

2- Luận văn đã phân tích có hệ thống các quy định của BLTTHS hiện hành về bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, tạm giam. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn việc áp dụng các quy định của pháp luật và bảo đảm các quyền của người bị tạm giữ, tạm giam, đã đưa ra nhưng kết quả đáng khích lệ trong quá trình người bị tạm giữ, tạm giam tham gia vào quá trình tố tụng. Đồng thời nêu lên những hạn chế còn tồn tại cũng như những nguyên nhân khách quan và chủ quan đối với những hạn chế đã nêu ra.

3- Trên cơ sở nghiên cứu từ những bắt cập và hạn chế còn tồn tại, tôi mạnh dạn đưa ra những ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam, nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc thực hiện bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, tạm giam. Đồng thời với việc hoàn thiện pháp luật, cũng cần thực hiện các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả của việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, tạm giam.